

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-11-2023

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thanh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Mai Phương U, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Bị đơn:* Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch C.

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T – Giám đốc phòng giao dịch.

(Bà U có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Mai Phương U trình bày: Bà U và ông T kết hôn với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C. Hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống tại Thôn Đ, xã Đn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng

hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau liên tục, ông Tiên có lời lẽ thô tục với bà U. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, bà U xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà U và ông T được ly hôn.

- Về con chung: Bà U xác định vợ chồng có 1 con chung tên Phạm Huỳnh Bảo A, sinh ngày 29/6/2020. Khi ly hôn bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Tiên cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch C số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền nợ lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án với sự đồng ý của Ngân hàng bà U đã thanh toán phần nợ của bà là 35.000.000 đồng, số còn lại ông Tiên có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng theo hợp đồng vay vốn

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Quốc T trình bày: Về việc kết hôn ông T thừa nhận như lời trình bày của bà U là đúng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 3 năm, thời gian gần đây hai bên xảy ra mâu thuẫn không thể giảng hòa được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà U yêu cầu ly hôn thì ông Tiên không đồng ý vì vẫn còn thương yêu bà U.

- Về con chung: Có 1 con chung tên Phạm Huỳnh Bảo A, sinh ngày 29/6/2020. Ông T không đồng ý ly hôn, nhưng nếu phải ly hôn thì ông Tiên đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tiên không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch C số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền nợ lãi. Bà U đã thanh toán phần nợ của bà là 35.000.000 đồng, số còn lại ông T có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng theo hợp đồng vay vốn.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch C trình bày: Vợ chồng ông Phạm Quốc T, bà Huỳnh Mai Phương U có nợ Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng, tuy nhiên ngày 20/9/2023 bà U đã tự nguyện thanh toán số tiền 35.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà U được ly hôn ông T; về con chung: giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên

không xem xét; về nợ chung: Ngân hàng không khởi kiện nên không xem xét; về án phí: bà U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên bà U xin ly hôn với ông T vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Bà Uyên và ông Tiên tự nguyện sống chung và kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Cn đăng ký kết hôn năm 2019, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà U xin ly hôn vì lý do trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai bên không thể hòa hợp được. Ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm và thương yêu bà U, tuy nhiên ông không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà U và ông T đã xảy ra các bên không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng mà để mặc mâu thuẫn xảy ra dẫn đến ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống như vậy mục đích hôn nhân giữa bà U và ông T không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà U cho bà U và ông T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà U và ông Tiên có 01 người con chung tên Phạm Huỳnh Bảo A, sinh ngày 29/6/2020, hiện nay con chung đang ở với bà U. Khi ly các đương sự đều thống nhất giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tiên không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự cần chấp nhận là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: ông Phạm Quốc T, bà Huỳnh Mai Phương U có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch C số tiền 70.000.000 đồng, tuy nhiên Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bà U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Mai Phương Uyên về việc “Ly hôn” ông Phạm Quốc Tiên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Mai Phương U được ly hôn ông Phạm Quốc T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Phạm Huỳnh Bảo A, sinh ngày 29/6/2020 cho bà Huỳnh Mai Phương U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2.1 Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Mai Phương U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010521 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng

